TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B L
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03/03/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Minh

2. Ông Lưu Huy Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý

Ngày 03 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân thị xã B L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các Đ sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1960 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 12, khu phố P B, phường A L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở: Chung cư A, phường T M L, thành phố T Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh Đ, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 12, khu phố P B, phường A L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở: Tổ 4, khu phố P T, phường A L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim O trình bày:

Bà Trần Thị Kim O và ông Nguyễn Mạnh Đ tự nguyện chung sống năm 1979 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A L, huyện B L, tỉnh Sông Bé (nay là phường A L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước) vào ngày 21 tháng 12 năm 1979.

Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau về những vấn đề con cái và tiền bạc. Ông Nguyễn Mạnh Đ nhiều lần dùng những lời lẽ chửi bới, xúc phạm danh dự bà O một cách trầm trọng, kể cả trước mặt con cháu và hàng xóm xung quanh nên bà O đến sinh sống với con gái ruột tại địa chỉ: Chung cư A, phường T M L, thành phố T Đ,

Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống làm ăn cho đến nay. Nay đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà O yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Mạnh Đ.

Quá trình sống chung bà O và ông Đ có 02 con chung tên Nguyễn Sơn H, sinh ngày 02/02/1981 và Nguyễn Tố U, sinh ngày 14/01/1983. Do cả 02 con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà O và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Kim O tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Mạnh Đ trình bày:

Ông Nguyễn Mạnh Đ và bà Trần Thị Kim O chung sống từ năm 1979 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A L, huyện B L, tỉnh Sông Bé (nay là phường A L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước).

Nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng nhiều lần bất đồng quan điểm về vấn đề con cái và tiền bạc, không thể trao đổi nói chuyện với nhau để giải quyết, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông Đ có thường xuyên chửi bà O.

Nay bà Trần Thị Kim O yêu cầu được ly hôn, ông Đ không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà O và mong muốn vợ chồng có cơ hội hàn gắn.

Quá trình sống chung ông Đ và bà O có 02 con chung tên Nguyễn Sơn H, sinh ngày 02/02/1981 và Nguyễn Tố U, sinh ngày 14/01/1983. Do cả 02 con chung đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà O tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim O khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Mạnh Đ. Ông Nguyễn Mạnh Đ có đăng ký cư trú tại: Tổ 4, khu phố P T, phường A L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Kim O, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do bà Trần Thị Kim O khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Mạnh Đ.

- Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu và chứng cứ của Đ sự cung cấp, không thu thập chứng cứ gì thêm nên xét xử không có Viện kiểm sát tham gia theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần hai đối với ông Nguyễn Mạnh Đ nhưng ông Đ vắng mặt không lý do, nên tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim O và ông Nguyễn Mạnh Đ chung sống từ năm 1979 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A L, huyện B L, tỉnh Sông Bé (nay là phường A L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước). Bà O và ông Đ xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Đ tính tình gia trưởng, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn về vấn đề con cái và tiền bạc. Ông Đ nhiều lần dùng những lời lẽ chửi bới, xúc phạm danh dự bà O một cách trầm trọng nên bà O chuyển ra sinh sống với con gái ruột từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm về vấn đề con cái và tiền bạc, không thể trao đổi nói chuyện với nhau để giải quyết khiến mâu thuẫn càng trầm trọng nên ông Đ có thường xuyên chửi bới bà O.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà Trần Thị Kim O và ông Nguyễn Mạnh Đ mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim O.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Kim O và ông Nguyễn Mạnh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Sơn H, sinh ngày 02/02/1981 và Nguyễn Tố U, sinh ngày 14/01/1983. Do cả 02 con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Kim O phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị Kim O được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh Đ.

- Về con chung: Do cả 02 con chung tên Nguyễn Sơn H, sinh ngày 02/02/1981 và Nguyễn Tố U, sinh ngày 14/01/1983 đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các Đ sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Kim O phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002749 ngày 26/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B L;
- Chi cục THADS thị xã B L;
- UBND phường A L;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Minh **Lưu Huy Hà** **Nguyễn Thành Đức**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thanh Minh	**Lưu Huy Hà**	**Nguyễn Thành Đức**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã B L;
- Chi cục THADS thị xã B L;
- UBND phường An Lộc;
- Các Đ sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Đức